

Số: /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:  
Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ thuộc  
thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Báo cáo số 473/BC-HĐTĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng  
thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự  
án: Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ thuộc thôn  
Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và Công văn số  
32/CV-BSKT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo  
Sơn Kon Tum về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác  
động môi trường dự án: Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại  
điểm mỏ thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum  
(đã chỉnh sửa, bổ sung);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 400/TTr-STNMT  
ngày 02 tháng 12 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi  
trường của dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất thuộc  
thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (sau đây gọi là  
Dự án) của Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo Sơn Kon Tum (sau đây gọi là  
Chủ dự án) thực hiện tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh  
Kon Tum, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo  
Quyết định này<sup>(1)</sup>.

<sup>(1)</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông nhất tại cuộc họp ngày 06 tháng 12 năm 2024.

**Điều 2.** Trách nhiệm các đơn vị liên quan

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện, đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Báo cáo đánh giá tác động môi trường để thực hiện dự án trên.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương (t/h);
- UBND thành phố Kon Tum (t/h);
- UBND xã Đăk Blà(t/h);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (công bố);
- Trang Thông tin điện tử - Sở Tài nguyên và Môi trường (công bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Sâm**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA**  
**DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI**  
**MỎ ĐẤT THUỘC THÔN KON GUR, XÃ ĐẮK BLÀ,**  
**THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo Sơn Kon Tum.

- Địa chỉ liên hệ: 162/4 Duy Tân, Phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

- Điện thoại: 0967.042.380; E-mail: vatlieuxanhbaoson@gmail.com

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh - Chức vụ: Giám đốc

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án**

- Diện tích 92.000 m<sup>2</sup>. Trong đó: Diện tích khai thác khoáng sản 92.000m<sup>2</sup>, diện tích khu phụ trợ cho hoạt động của dự án 400m<sup>2</sup> (nằm trong ranh giới diện tích khai thác khoáng sản).

- Phạm vi dự án: Thực hiện tại Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp cấp 122 được phê duyệt: 2.448.431 m<sup>3</sup>. Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp được phép đưa vào thiết kế khai thác ở thể tự nhiên: 1.627.491m<sup>3</sup>. Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp được phép đưa vào thiết kế khai thác ở thể nguyên khai: 2.099.463,4m<sup>3</sup> (hệ số nở rời 1,29).

- Công suất thiết kế khai thác khoáng sản:

+ Năm thứ nhất đến năm thứ năm: 108.527,13m<sup>3</sup>/năm; tương đương 140.000,00m<sup>3</sup>/năm ở thể nguyên khai;

+ Năm thứ sáu: 116.185,34m<sup>3</sup>/năm; tương đương 149.879,09m<sup>3</sup>/năm ở thể nguyên khai;

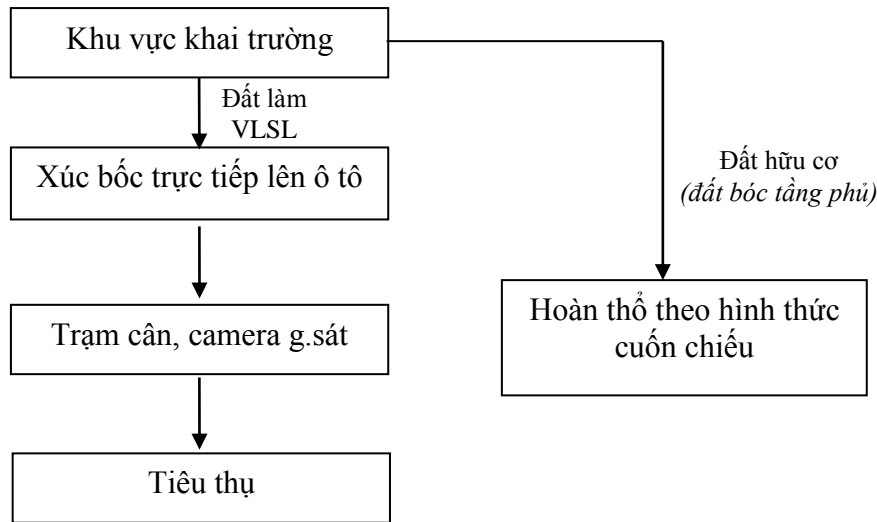
+ Năm thứ bảy đến năm thứ mười bốn: 108.527,13m<sup>3</sup>/năm; tương đương 140.000,00m<sup>3</sup>/năm ở thể nguyên khai;

+ Năm thứ mười lăm:  $100.452,95\text{m}^3/\text{năm}$ ; tương đương  $29.584,30\text{m}^3/\text{năm}$  ở thể nguyên khai.

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Nhà quản lý kiêm nhà bảo vệ, nhà kiểm tra lưu trữ thông tin trạm cân diện tích  $43,2\text{ m}^2$ ; Nhà vệ sinh  $9,0\text{ m}^2$ ; Kho chất thải nguy hại  $6,0\text{ m}^2$ ; Trạm cân và camera giám sát  $39,6\text{ m}^2$ ; Sân, đường nội bộ diện tích  $290,2\text{m}^2$ ; Tháp nước, hầm tự hoại, giếng thấm,...  $12\text{ m}^2$ .

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 8.496.038.000 đồng.

### 1.3. Công nghệ khai thác, sản xuất



*Thuyết minh quy trình khai đất làm vật liệu san lấp:*

- Sử dụng máy đào để khai thác, tầng đất hữu cơ ở trên (trung bình khoảng  $0,4\text{ m}$ ) được bóc phủ và tận dụng san gạt đáy móng theo hình thức cuộn chiếu trong quá trình khai thác, tầng đất đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp được xúc bốc trực tiếp lên xe vận chuyển đi tiêu thụ.

- Máy móc, thiết bị sử dụng: Máy đào; Xe ô tô tưới nước; Hệ thống trạm cân và camera giám sát.

### 1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án gồm:

+ Khu vực khai thác khoáng sản:  $92.000\text{m}^2$ , gồm 02 vị trí: Khu Tây Bắc được giới hạn bởi các điểm góc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11 và 12; khu Tây Nam được giới hạn bởi các điểm góc 1,2,3,4,5,6,7,8,9 và 10, có tọa độ hệ VN-2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ , như sau:

Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu $3^{\circ}$ , KTT $107^{\circ}30'$	
	X (m)	Y (m)
Khu Tây Bắc (diện tích 4,0ha)		
1	1.588.320	560.949
2	1.588.368	560.880
3	1.588.472	560.786

Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup> , KTT 107 <sup>0</sup> 30'	
	X (m)	Y (m)
4	1.588.589	560.853
5	1.588.556	560.919
6	1.588.552	560.997
7	1.588.447	561.165
8	1.588.400	561.194
9	1.588.389	561.182
10	1.588.489	560.884
11	1.588.450	560.869
12	1.588.423	560.926
Khu Đông Nam (diện tích 5,2ha)		
1	1.588.257	561.039
2	1.588.002	561.405
3	1.588.135	561.499
4	1.588.268	561.373
5	1.588.314	561.298
6	1.588.246	561.321
7	1.588.164	561.421
8	1.588.141	561.365
9	1.588.185	561.286
10	1.588.277	561.237
Tổng diện tích 9,2ha		

+ Khu vực công trình phụ trợ với diện tích 400m<sup>2</sup>, được bố trí tại 02 vị trí khác nhau trong mỏ theo 02 giai đoạn như sau:

++ Giai đoạn I (*từ năm thứ nhất đến năm thứ 6, khai thác tại khu Tây Bắc*): Bố trí hạng mục phụ trợ tại khu đất trống trong ranh giới khu vực khai thác (*gần điểm mốc ranh giới số 4 khu Tây Bắc*), diện tích mặt bằng khoảng 400m<sup>2</sup>.

++ Giai đoạn II (*từ năm thứ bảy đến năm thứ mười lăm, khai thác tại khu Đông Nam*): Sau khi khu Tây Bắc khai thác hết trữ lượng được phép khai thác, Công ty sẽ tiến hành di dời các hạng mục phụ trợ về khu Đông Nam để phục vụ cho hoạt động khai thác. Vị trí xây dựng các hạng mục phụ trợ tại khu đất trống trong ranh giới khu vực khai thác (*gần điểm mốc ranh giới số 5 khu Đông Nam*) với diện tích khoảng 400m<sup>2</sup>.

- Hoạt động của dự án: Phát quang, thi công xây dựng dự án; sinh hoạt của công nhân viên; hoạt động khai thác; hoạt động vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ; hoạt động lưu giữ, xử lý chất thải; hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; cải tạo phục hồi môi trường.

## 2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

STT	Các giai đoạn của dự án	Tác động liên quan đến chất thải	Không liên quan đến chất thải
<b>I</b>	<b>Giai đoạn thi công xây dựng</b>		
1	Dọn dẹp cây cỏ, bụi cỏ mặt bằng dự kiến xây dựng	- Sinh khối thực vật, bụi	- Tiếng ồn
2	Vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu phục vụ công trình	- Bụi, khí thải	- Tiếng ồn, An toàn giao thông
3	Xây dựng các hạng mục công trình dự án	- Bụi, khí thải	- Tiếng ồn
4	Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	- CTNH	
5	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải, chất thải rắn	- Mất an ninh trật tự
6	Nước mưa chảy tràn	- Đất bị cuốn trôi theo nước mưa	
<b>II</b>	<b>Giai đoạn vận hành</b>		
1	Hoạt động phát quang, chặt hạ cây cối	- Bụi - Sinh khối thực vật	- Tiếng ồn
2	Hoạt động xúc bốc và vận chuyển đất tầng phủ	-Bụi, khí thải, đất bóc tầng phủ	- Tiếng ồn
3	Hoạt động khai thác đất	- Bụi, khí thải	- Tiếng ồn, Sạt lở
4	Hoạt động vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ	- Bụi, khí thải	- Tiếng ồn, An toàn giao thông
5	Hoạt động san gạt đáy móng	-Bụi, khí thải	- Tiếng ồn
6	Sinh hoạt của công nhân viên	- Nước thải, chất thải rắn	- Mất an ninh trật tự
7	Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	- CTNH	
8	Nước mưa chảy tràn	- Đất bị cuốn trôi theo nước mưa	
	Xây dựng các hạng mục công trình dự án	- Bụi, khí thải	- Tiếng ồn
<b>III</b>	<b>Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường</b>		
1	Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ công trình	- Bụi, khí thải	- Tiếng ồn, An toàn giao thông
2	Hoạt động thi công các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường	- Bụi, khí thải	Tiếng ồn
3	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải, chất thải rắn	- Mất an ninh trật tự
4	Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	- CTNH	
5	Nước mưa chảy tràn	- Đất bị cuốn trôi theo nước mưa	

### 3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

#### 3.1. Nước thải

##### a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng  $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm. Thành phần: Các chất rắn lơ lửng,  $\text{BOD}_5$ , COD, dầu mỡ khoáng, tổng nitơ, vi sinh vật.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, vệ sinh máy móc phát sinh khoảng  $1\text{m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần nước thải: đất, cát, xi măng, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Giai đoạn I: Lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trên diện tích dự án (*nước mưa rơi trực tiếp trên khu vực dự án và nước mưa chảy vào khu vực dự án*) khoảng  $10.349\text{m}^3/\text{h}$ , lượng nước mưa chảy tràn có khả năng nhiễm bẩn khi chảy qua diện tích thi công khoảng  $234,3\text{m}^3/\text{h}$ .

+ Giai đoạn II: Lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trên diện tích dự án (*nước mưa rơi trực tiếp trên khu vực dự án và nước mưa chảy vào khu vực dự án*) khoảng  $10.349\text{m}^3/\text{h}$ , lượng nước mưa chảy tràn có khả năng nhiễm bẩn khi chảy qua diện tích thi công khoảng  $171,7\text{m}^3/\text{h}$ .

+ Thành phần: đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

##### b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng  $0,35\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm. Thành phần nước thải: các chất rắn lơ lửng,  $\text{BOD}_5$ , COD, tổng dầu, mỡ khoáng, tổng nitơ, vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất trên diện tích dự án và có khả năng nhiễm bẩn khoảng  $10.349\text{m}^3/\text{h}$  (*nước mưa rơi trực tiếp trên khu vực dự án và nước mưa chảy vào khu vực dự án*). Thành phần: đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, vệ sinh máy móc phát sinh khoảng  $1\text{m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần nước thải: đất, cát, dầu mỡ.

##### c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng  $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm. Thành phần: các chất rắn lơ lửng,  $\text{BOD}_5$ , COD, tổng dầu, mỡ khoáng, tổng nitơ, vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất trên diện tích dự án và có khả năng nhiễm bẩn khoảng  $10.349\text{m}^3/\text{h}$  (*nước mưa rơi trực tiếp trên khu vực dự án và nước mưa chảy vào khu vực dự án*). Thành phần: đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, vệ sinh máy móc phát sinh khoảng  $1\text{m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần nước thải: đất, cát, xi măng, dầu mỡ.

### 3.2. Bụi và khí thải

#### a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

- Bụi, khí thải phát sinh từ động cơ của các phương tiện vận chuyển, thiết bị máy móc; liên quan đến hoạt động phát quang thăm thực vật; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu để xây dựng công trình phụ trợ; quá trình cải tạo, sửa chữa đoạn đường mòn hiện hữu vào mỏ... Thành phần chủ yếu: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, Hidrocacbon.

#### b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Bụi, khí thải phát sinh từ động cơ của các phương tiện vận chuyển, thiết bị máy móc; liên quan đến hoạt động bốc xúc và vận chuyển đất tầng phủ về bãi chứa tạm; hoạt động khai thác và vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; hoạt động duy tu sửa chữa tuyến đường vận chuyển mỏ kết nối Quốc lộ 24 (QL24). Thành phần chủ yếu: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, Hidrocacbon.

#### c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Bụi, khí thải phát sinh từ động cơ của các phương tiện vận chuyển, thiết bị máy móc; liên quan đến quá trình hoàn thổ, san gạt đất tại đáy moong; quá trình nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, Hidrocacbon.

### 3.3. Chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại

#### a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

- Sinh khối phát sinh trong quá trình thi công xây dựng: khoảng 6,7 tấn (Giai đoạn I); khoảng 12 tấn (Giai đoạn II). Thành phần: Cây bụi, cỏ, gốc cây, cành lá cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2,2kg/ngày. Thành phần: Chất hữu cơ, bao bì, túi nilon, vỏ chai, vỏ hộp...

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng khoảng 54,72kg/ngày. Thành phần: cát, gạch đá rơi vãi, bao bì xi măng...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị phát sinh khoảng 1,0 kg/ tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau bám dính dầu mỡ...

#### b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Sinh khối phát sinh trong quá trình bóc tầng phủ khoảng 147,4 tấn (*thực hiện khai thác đến đâu phát quang đến đó, sinh khối phát sinh tối đa khoảng 2,8 tấn/tháng*). Thành phần: cây bụi dại, cỏ, gốc cây, cành lá cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần: Chất hữu cơ, bao bì, túi nilon, vỏ chai, vỏ hộp...

- Khối lượng đất hữu cơ phát sinh trong quá trình bóc đất tầng phủ khoảng 36.800 m<sup>3</sup> (*phát sinh lớn nhất khoảng 361,7 m<sup>3</sup>/tháng*).



- Khối lượng bùn, đất trong quá trình nạo vét các hồ lắng khoảng 24,5 m<sup>3</sup>/tháng

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phát sinh khoảng 2,3 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, sơn, ắc quy thải, pin thải, bóng đèn huỳnh quang...

#### c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Bùn, đất từ quá trình nạo vét rãnh thoát nước, hồ lắng khoảng 177,78 m<sup>3</sup>.

- Gạch, đá, bê tông từ quá trình tháo dỡ công trình phát sinh khoảng 27,7m<sup>3</sup>.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phát sinh khoảng 1,0 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, sơn, ắc quy thải, pin thải, bóng đèn huỳnh quang...

### 3.4. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các thiết bị, máy móc phục vụ trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn khai thác và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

### 3.5. Các tác động khác

#### a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

- Sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra do cán bộ, công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành máy móc, thiết bị thi công; do hiện tượng chập điện, cháy nổ, điện giật trong quá trình lắp đặt đường dây và chạy thử các thiết bị điện. Công trường thi công thường xuyên có nhiều phương tiện vận chuyển ra vào có thể dẫn đến tai nạn do xe cộ gây ra.

- Sự cố sạt, trượt lở khu vực thi công: Có thể xảy ra do trong quá trình đào đất tạo mặt bằng không tuân thủ góc dốc bờ moong theo thiết kế; sạt lở do điều kiện địa chất khu vực khai thác.

- Tác động đến đường đi sản xuất (mắt lối đi tại khu Đông Nam) và canh tác nông nghiệp của người dân trong khu vực dự án.

- Tác động khi di dời đường dây 22kV: Tác động đến một số người dân do thu hồi đất khi thực hiện di dời đường dây 22kV; tai nạn lao động trong quá trình thi công do sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị, thi công trên cao, không chấp hành quy định về an toàn lao động.

#### b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Sự cố cháy nổ: Do các sự cố về thiết bị điện.

- Sự cố an toàn giao thông: Hoạt động vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ, làm tăng áp lực về giao thông tại địa phương, tăng nguy cơ tai nạn giao thông.

- Sự cố an toàn lao động: Có thể xảy ra do sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị; không chấp hành quy định về an toàn lao động.

- Sự cố sạt lở bờ moong khai thác, sạt lở đất đá: Sự cố này có thể xảy ra trong quá trình khai thác, vận chuyển đất. Nguyên nhân do không tuân thủ góc dốc bờ moong theo thiết kế sẽ gây nên hiện tượng sạt, trượt lở; Sạt lở do điều kiện địa chất khu vực khai thác; sạt trượt, xói lở mái taluy, khu vực có độ dốc lớn khi có mưa lũ bất thường.

- Sự cố sạt lở bãi chứa tạm thời: Xảy ra khi lượng đất hữu cơ chứa tại bãi chứa tạm vượt quá công suất của bãi chứa.

- Tác động đến đường đi sản xuất (mắt lồi đi tại khu Đông Nam) và canh tác nông nghiệp của người dân trong khu vực dự án; có khả năng gây bồi lấp, bồi lắng ảnh hưởng đến hoạt động canh tác của các ruộng lúa.

#### c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Sự cố sạt lở, sụt lún có thể xảy ra khi thi công trên các bờ tầng trong công tác trồng cây.

### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư**

#### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

##### a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại cải tiến dạng BASTAF 4 ngăn có thể tích 3m<sup>3</sup>. Xây dựng 02 bể tự hoại tương ứng 02 giai đoạn (ứng với vị trí khu phụ trợ của dự án). Nước thải sau khi xử lý qua hầm tự hoại đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, sẽ qua hồ sinh học có dung tích 6 m<sup>3</sup> để tiếp tục xử lý, sau đó theo đường ống HDPE Ø90 thoát ra suối nhỏ gần dự án. Vị trí xả nước thải lần lượt là: Giai đoạn I (tại khu Tây Bắc): Tọa độ: X= 1.588.587; Y= 560.832; Giai đoạn II (tại khu Đông Nam): Tọa độ: X= 1.588.272; Y= 561.281

- Nước mưa chảy tràn:

+ Giai đoạn I (khu Tây Bắc):

++ Thoát nước mưa trong khu vực dự án: Nước mưa thu gom về rãnh thoát nước bằng đất kích thước 27mx0,5mx0,3m chảy về hố lắng kích thước 2mx2mx1m bằng đất gần điểm mốc số 4 khu Tây Bắc. Sau khi được lắng bùn, đất tại hố lắng, nước sẽ theo đường ống HDPE D110 mm dài khoảng 16 m chảy về suối nhỏ gần khu vực dự án.

++ Thoát nước tại tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Nước mưa thu gom về rãnh thoát nước bằng đất chạy dọc đường vận chuyển ngoài mỏ kích thước 50mx0,5mx0,3m, chảy ra hệ thống thoát nước mưa của đường bê tông hiện trạng và chảy về suối nhỏ gần khu vực dự án. Thực hiện lắp đặt cống BTLT đường kính D600 mm, chiều dài khoảng 10 m tại vị trí kết nối ra đường bê tông đá dăm, vị trí trước cống gia cố bằng rọ đá để đảm bảo nước mưa không làm xói lở cống.

+ Giai đoạn II (khu Đông Nam):

++ Thoát nước tại tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Thực hiện lắp đặt cống BTLT đường kính D600 mm, chiều dài khoảng 24 m tại vị trí kết nối ra

đường bê tông đá dăm, vị trí trước cống gia cố bằng rọ đá để đảm bảo nước mưa không làm xói lở cống. Nước mưa thu gom về rãnh thoát nước bằng đất chạy dọc đường vận chuyển ngoài mỏ kích thước 130mx0,5mx0,3m, chảy về hồ lắng bằng đất kích thước 1mx1mx1m gần điểm mốc số 5 khu Đông Nam. Sau khi được lắng bùn, đất tại hồ lắng, nước sẽ theo cống ngầm bê tông ly tâm D200 mm dài khoảng 12 m chảy ra khe suối gần khu vực dự án.

++ Thoát nước mưa trong khu vực dự án: Nước mưa thu gom về rãnh thoát nước bằng đất kích thước 42mx0,5mx0,3m chảy về hệ thống thoát nước của đường vận chuyển ngoài mỏ.

- Nước thải từ khu vực vệ sinh dụng cụ, máy móc được thu gom về hồ lắng lót bạt HDPE, kích thước 1mx1mx1m, nước sau lắng, nước qua lớp vải lọc dầu rồi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Thường xuyên thay vải lọc dầu để đảm bảo hiệu quả lọc dầu. Vải lọc dầu thải bỏ được đưa về lưu trữ tại kho chất thải nguy hại để xử lý theo quy định.

#### b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại cải tiến dạng BASTAF 4 ngăn có thể tích 3m<sup>3</sup> (đã được xây dựng tại khu phụ trợ trong giai đoạn thi công xây dựng). Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại đạt cột B-QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, sẽ qua hồ sinh học có dung tích 6m<sup>3</sup> để tiếp tục xử lý, sau đó theo đường ống HDPE Ø90 thoát ra suối nhỏ gần dự án, vị trí xả nước thải lần lượt là: Giai đoạn I (tại khu Tây Bắc): Tọa độ: X= 1.588.587; Y= 560.832; Giai đoạn II (tại khu Đông Nam): Tọa độ: X= 1.588.272; Y= 561.281. Đồng thời để tránh sự cố quá tải trong quá trình hoạt động của bể tự hoại, sẽ tiến hành hút bể định kỳ (1 năm/lần).

- Nước mưa chảy tràn: Vẫn tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước đã xây dựng trong giai đoạn thi công, đây là hệ thống thoát nước cố định trong suốt thời gian vận hành của dự án. Ngoài ra, đơn vị sẽ tiến hành tạo hệ thống thoát nước mưa theo tiến độ khai thác hàng năm, cụ thể:

+ Tại khu Tây Bắc:

++ Xây dựng 2 cống thoát nước song song đường kính D800 mm, dài 64m/mỗi cống tại đoạn khe suối chảy qua khu vực khai thác, đồng thời xây dựng 02 hồ lắng bằng kè rọ đá: 01 hồ lắng phía trước cống (gần điểm mốc số 10) kích thước 14mx10mx1m và 01 hồ lắng sau cống (gần điểm mốc số 3) kích thước 14mx10mx1m (nằm trong ranh giới khai thác) để lắng bùn đất phát sinh trong quá trình khai thác.

+ Tạo rãnh thoát nước bằng đất tại chân vách taluy theo tiến độ khai thác từng năm để thoát nước về 2 hồ lắng trước khi chảy vào suối nhỏ gần dự án. Rãnh thoát nước đến khi kết thúc khai thác năm thứ 6 có kích thước 946mx0,5mx0,3m.

+ Tại khu Đông Nam:

++ Bố trí 01 hồ lắng bằng kê rọ đá có kích thước 12mx6mx1m gần điểm mốc số 6 để lắng bùn đất bị nước mưa cuốn trôi từ trong moong khai thác về trong quá trình khai thác. Sau hồ lắng lắp đặt cống thoát nước có đường kính D600mm, dài 24m để thoát nước mưa từ khu vực khai thác ra khe suối gần dự án.

++ Tạo rãnh thoát nước bằng đất tại chân vách taluy theo tiến độ khai thác từng năm để thoát nước về hồ lắng trước khi chảy vào khe suối gần dự án. Rãnh thoát nước đến khi kết thúc khai thác có kích thước 1010mx 0,5mx0,3m.

+ Đối với thoát nước bề mặt tầng bảo vệ: tạo rãnh thoát nước bằng đất có kích thước 0,5mx0,3m trên bề mặt tầng, dẫn xuống rãnh bậc của vách dừng khai thác có bề rộng 90cm, khoảng cách giữa các bậc 28,5cm và đưa về rãnh thoát nước ở đáy moong.

+ Tại những khu vực chưa tác động đến (*chưa tiến hành phát quang bóc phủ và khai thác*), cho nước mưa chảy tự nhiên theo độ dốc địa hình khu vực thoát về suối nhỏ gần dự án.

- Nước thải từ khu vực vệ sinh dụng cụ, máy móc tiếp tục sử dụng công trình đã được xây dựng trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.

#### c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng công trình thu gom và xử lý bằng bể tự hoại cải tiến dạng BASTAF 4 ngăn có thể tích 3 m<sup>3</sup> (*đã được xây dựng trong giai đoạn trước đó, sử dụng cho đến hết thời gian cải tạo, phục hồi môi trường trước khi tháo dỡ*). Nước thải sau xử lý đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, sẽ qua hồ sinh học có dung tích 6m<sup>3</sup> để tiếp tục xử lý, sau đó theo đường ống HDPE Ø90 thoát ra suối nhỏ gần dự án. Vị trí xả thải: Giai đoạn II (*tại khu Đông Nam*): Tọa độ: X= 1.588.272; Y= 561.281.

- Nước mưa chảy tràn: Tiếp tục sử dụng các công trình thoát nước đã được xây dựng trong quá trình khai thác tại khu Tây Bắc và khu Đông Nam. Thường xuyên vệ sinh môi trường, nạo vét hồ lắng nhằm giảm lượng chất thải bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Nước thải từ khu vực vệ sinh dụng cụ, máy móc tiếp tục sử dụng công trình đã được xây dựng trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Xử lý nước thải sinh hoạt đạt cột B- QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thoát ra từ các hồ lắng phải đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

#### 4.2. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng xe bồn tưới 2 m<sup>3</sup> để phun nước làm ẩm khi sửa chữa đường, bóc đất tầng phủ, khu vực khai thác đất, bóc xúc và trên đường đất vận chuyển. Tần suất tưới trung bình 6 lần/ngày (*thực hiện vào những ngày trời nắng*).

- Thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra Quốc lộ 24 (đoạn đường bê tông đá dăm) và Quốc lộ 24 đoạn tại vị trí kết nối với đường bê tông đá dăm vào khu vực dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng lưu thông trên tuyến đường.

- Trước khi ra khỏi khu vực dự án, các bánh xe sẽ được gạt đất, xịt rửa bánh xe khi qua trạm cân trước khi cho lưu thông ra khỏi khu vực dự án.

- Trong quá trình vận chuyển đất san lấp phải phủ, che chắn, không để rơi vãi trên đường ảnh hưởng đến việc lưu thông của phương tiện khác. Không chở quá tải trọng cho phép khi tham gia giao thông.

- Sử dụng máy móc thiết bị đã qua đăng kiểm.

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: quần áo, giày, găng tay, khẩu trang y tế,... cho người lao động, hạn chế bụi ảnh hưởng đến sức khỏe.

- Thực hiện duy tu, sửa chữa ngay khi đường xảy ra hư hỏng. Trong trường hợp bị hư hỏng nặng phải tăng cường tần suất duy tu và sửa chữa để đảm bảo an toàn cho tuyến đường giảm thiểu lớp bụi trên mặt.

- Thực hiện phát quang tại các khu đang khai thác, còn các khu chưa khai thác thì giữ lại để cải tạo vi khí hậu và tạo bóng mát cho khu vực.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Xử lý bụi và khí thải đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

### **4.3. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn xây dựng (*giai đoạn xây dựng và cải tạo, phục hồi môi trường*): Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Sinh khối thực vật (*giai đoạn xây dựng và vận hành*): Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt (*giai đoạn xây dựng, vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường*): Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn theo quy định. Bố trí thùng rác chuyên dụng loại 60 lít để thu gom triệt để rác thải theo từng nhóm chất thải phát sinh tại khu vực dự án. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Đất hữu cơ trong quá trình bóc phủ được sử dụng để hoàn thổ đáy moong theo hình thức cuốn chiếu, cụ thể:

+ Khu Tây Bắc:

++ Năm khai thác thứ nhất: Đất bóc phủ của năm khai thác thứ nhất khoảng 4.340m<sup>3</sup>, được sử dụng để san gạt khu vực trũng giữa mỏ (*coste địa hình thấp nhất +540 m*) về cao độ *coste* kết thúc khai thác tại khu Tây Bắc (*coste +545,0 m*) để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình di chuyển khai thác về phía Tây Nam khu

vực, với khối lượng khoảng  $2.375\text{m}^3$ , khối lượng còn lại được hoàn thổ cuốn chiếu tại đáy moong đã hình thành trong quá trình khai thác tại khu Tây Bắc.

++ Năm khai thác thứ 2 đến năm khai thác thứ 6: Lượng đất bóc phủ khoảng  $11.660\text{m}^3$  sẽ tiếp tục được công ty hoàn thổ cuốn chiếu tại đáy moong đã hình thành trong quá trình khai thác tại khu Tây Bắc với diện tích đáy moong sau khi kết thúc khai thác khoảng  $13.000\text{m}^2$ .

++ Năm khai thác thứ 7: Bắt đầu khai thác tại khu Đông Nam sau khi khai thác hết trữ lượng tại khu Tây Bắc, lượng đất bóc phủ khoảng  $2.320\text{m}^3$  sẽ tiếp tục được đưa về khu Tây Bắc để hoàn thổ. Chiều dày lớp đất sau khi kết thúc hoàn thổ trung bình khoảng 1,2m.

+ Khu Đông Nam: Năm khai thác thứ 8 đến năm khai thác thứ 15: Tổng lượng đất bóc tầng phủ của các năm khai thác còn lại khoảng  $18.480\text{m}^3$  được công ty tận dụng để hoàn thổ cuốn chiếu tại đáy moong đã hình thành trong quá trình khai thác tại khu Đông Nam với diện tích đáy moong sau khi kết thúc khai thác khoảng  $19.000\text{m}^3$ . Chiều dày lớp đất sau khi kết thúc hoàn thổ trung bình khoảng 1m.

- Đối với bùn, đất trong quá trình nạo vét các hồ lắng sẽ được Công ty tận dụng để san gạt đáy moong.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Thu gom, phân loại, tách riêng từng loại CTNH, dụng cụ lưu chứa bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường và được dán nhãn (*tên CTNH, mã CTNH*). Lưu giữ trong kho chất thải nguy hại với diện tích  $6\text{m}^2$ ; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý, không làm việc vào ban đêm và giãn cách các máy móc gây ồn cùng làm việc sẽ tạo ra mức ồn cộng hưởng. không hoạt động vào giờ ăn và giờ nghỉ của công nhân.

- Sử dụng máy móc thiết bị đã qua đăng kiểm.

- Hạn chế nổ máy trong thời gian chờ, dừng.

- Bố trí mật độ xe phù hợp, yêu cầu tài xế giảm tốc độ, không bóp còi bừa bãi trong khi vận chuyển và khi dừng chờ vận chuyển.

- Bố trí thời gian khai thác, vận chuyển hợp lý trên khai trường.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

\* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc.

#### **4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

a) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Phương án được lựa chọn:

+ Trong quá trình khai thác: Trồng cây bạch đàn trên bề mặt tầng bảo vệ và xung quanh ranh giới khu vực khai thác, trồng cỏ vetiver trên vách dừng. Nạo vét cống, rãnh thoát nước, hố lắng, hồ lắng, dựng biển báo nguy hiểm. Duy tu, sửa chữa các tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.

+ Sau khi kết thúc khai thác: Tiến hành san gạt đáy moong đã được hoàn thổ cuốn chiếu trong quá trình khai thác để tạo mặt bằng trồng cây phủ xanh. Trồng cây bạch đàn toàn bộ diện tích khu vực đáy moong, trồng cỏ vetiver trên vách dừng, bê tông hóa bề mặt rãnh bậc thang. Tháo dỡ công trình phụ trợ, xử lý môi trường. Thu dọn đá dăm, san gạt tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ. Cụ thể:

\* *Khu vực khai trường:*

++ Đối với khu vực đáy moong: Sau khi kết thúc khai thác, đáy moong khai thác có coste kết thúc như sau: +545,0m (*khu Tây Bắc*), +565,0m (*khu Đông Nam*). Trong quá trình khai thác, sử dụng 36.800m<sup>3</sup> hữu cơ (*đất bóc tầng phủ*) tiến hành hoàn thổ san gạt đáy moong theo hình thức cuốn chiếu với tổng diện tích đáy moong khoảng 32.000m<sup>2</sup>, trong đó: Khu Tây Bắc có diện tích đáy moong khoảng 13.000m<sup>2</sup>, hoàn thổ khoảng 18.320m<sup>3</sup> đất, chiều dày lớp đất hoàn thổ trung bình khoảng 1,2m; khu Đông Nam có diện tích đáy moong khoảng 19.000m<sup>2</sup>, hoàn thổ khoảng 18.480m<sup>3</sup> đất, chiều dày lớp đất hoàn thổ trung bình khoảng 1,0m. Sau khi kết thúc khai thác, tiến hành san gạt toàn bộ khu vực đáy moong đã hoàn thổ để tạo mặt bằng trồng cây phủ xanh, đảm bảo bề mặt đáy moong bằng phẳng, thoát nước tốt, không bị ngập úng, với chiều dày san gạt là 0,5 m, tổng khối lượng san gạt khoảng 16.000m<sup>3</sup>, cụ thể: khu Tây Bắc: 6.500m<sup>3</sup>; khu Đông Nam: 9.500m<sup>3</sup>. Nạo vét hố lắng, hồ lắng, cống, rãnh thoát nước. Trồng cây bạch đàn toàn bộ diện tích khu vực đáy moong, mật độ trồng 1.750 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm bằng 10%.

++ Vách moong khu vực khai thác: Theo thiết kế khai thác, khu vực khai trường sẽ được cắt làm các tầng taluy và vách taluy để đảm bảo an toàn. Góc dừng kết thúc khai thác ở các vách đều là 45<sup>0</sup>. Chiều cao tầng kết thúc khai thác là 10m. Trồng cỏ covetiver trên vách dừng, quy cách trồng tại vách dừng như sau: Hàng cách hàng 1,5m, cây cách cây 0,15m. Đổ lớp bê tông đá 10x20, mác 150, dày 50mm lên bề mặt rãnh bậc thang.

++ Bề mặt tầng bảo vệ: Chiều rộng bề mặt tầng bảo vệ sau khi kết thúc khai thác rộng tối thiểu 3,5m, độ dốc góc nghiêng vào phía trong 15%, dọc bề mặt tầng

bố trí rãnh thoát nước bằng đất có kích thước 5mx0,3m dẫn nước mưa xuống rãnh bậc của vách dèng khai thác. Trồng cây bạch đàn trên bề mặt tầng bảo vệ với quy cách trồng: hàng cách hàng 3m và tạo một góc 45<sup>0</sup> với vành đai, cây cách cây 2 m để tạo hình nanh sấu nhằm bảo đảm được mật độ trồng và giảm nguy cơ xói mòn bề mặt.

++Xung quanh ranh giới khu vực khai thác: Xung quanh khu vực khai trường sẽ tiến hành trồng cây với mật độ trồng 2 hàng so le, mỗi hàng cây cách cây 1m, lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm vĩnh viễn xung quanh khu vực dự án, biển báo có ghi rõ độ sâu và cảnh báo nguy hiểm

\* Khu vực phụ trợ nằm trong ranh giới khu vực khai thác: tiến hành tháo dỡ các hạng mục: Nhà quản lý, Nhà vệ sinh, Kho Chất thải nguy hại, trạm cân, hút, lắp hầm tự hoại... Sau khi tháo dỡ các hạng mục công trình, tiến hành trồng cây phủ xanh cho khu vực này.

\* Khu vực ngoài biên giới:

++ Duy tu, sửa chữa 2 tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ từ khu vực dự án (Khu Tây Bắc và Khu Đông Nam) kết nối với đường bê tông đá dăm. Tổng chiều dài cả 2 đoạn đường khoảng 190 m, chiều rộng mặt đường 8m. Sử dụng 30,4m<sup>3</sup> cấp phối đá dăm để tu bổ.

++ Duy tu, sửa chữa tuyến đường bê tông đá dăm ra Quốc lộ 24 với chiều dài đoạn đường khoảng 1,1km, chiều rộng 7m. Sử dụng 15,4m<sup>3</sup> bê tông gia cố xi măng để tu bổ.

++ Thu dọn lớp đá dăm trên bề mặt đường vận chuyển ngoài mỏ từ khu vực dự án (khu Tây Bắc và khu Đông Nam) kết nối với đường bê tông đá dăm. San gạt mặt đường trả lại mặt bằng cho người dân. Tổng chiều dài cả 2 đoạn đường trung bình khoảng 190m, chiều rộng mặt đường 8m, chiều dày san gạt 10cm.

++ Nạo vét cống, rãnh thoát nước, hố lửng

- Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch thực hiện:

TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác		
1	San gạt đáy moong	32.000m <sup>2</sup>	
	- Khu Tây Bắc	13.000m <sup>2</sup>	Sau khi kết thúc khai thác và hoàn thành hoàn thổ tại khu Tây Bắc (Bắt đầu từ năm khai thác thứ 8)
	- Khu Đông Nam	19.000m <sup>2</sup>	Sau khi kết thúc khai thác khu Đông Nam
2	Trồng bạch đàn tại đáy moong	32.000m <sup>2</sup>	
	- Khu Tây Bắc	13.000m <sup>2</sup>	Sau khi kết thúc khai thác khu Tây Bắc (Bắt đầu từ năm khai thác thứ 8)



TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
	- Khu Đông Nam	19.000m <sup>2</sup>	Sau khi kết thúc khai thác khu Đông Nam
3	Trồng bạch đàn tại bề mặt tầng bảo vệ	17.800m <sup>2</sup>	
	- Khu Tây Bắc	10.200m <sup>2</sup>	Song song trong quá trình khai thác (Bắt đầu từ năm khai thác thứ 4)
	- Khu Đông Nam	7.600m <sup>2</sup>	Song song trong quá trình khai thác (Bắt đầu từ năm khai thác thứ 8)
4	Trồng cỏ vetiver trên vách dừng	297.898 gốc	
	- Khu Tây Bắc	115.939 gốc	Sau khi kết thúc khai thác khu Tây Bắc (Bắt đầu từ năm khai thác thứ 7)
	- Khu Đông Nam	181.959 gốc	Sau khi kết thúc khai thác khu Đông Nam
5	Đổ bê tông lên bề mặt rãnh bậc	107,7m <sup>3</sup>	
	- Khu Tây Bắc	46,8m <sup>3</sup>	Sau khi kết thúc khai thác tại khu Tây Bắc (Bắt đầu từ năm khai thác thứ 7)
	- Khu Đông Nam	60,9m <sup>3</sup>	Sau khi kết thúc khai thác tại khu Đông Nam
6	Trồng bạch đàn xung quanh ranh giới khu vực khai thác	8.006m <sup>2</sup>	
	- Khu Tây Bắc	3.492m <sup>2</sup>	Bắt đầu từ năm khai thác thứ nhất
	- Khu Đông Nam	4.514 m <sup>2</sup>	Bắt đầu từ năm khai thác thứ 7
7	Lắp đặt biển báo xung quanh khu vực dự án	28 biển	
	- Khu Tây Bắc	13 biển	Bắt đầu từ năm khai thác thứ nhất
	- Khu Đông Nam	15 biển	Bắt đầu từ năm khai thác thứ 7
8	Nạo vét hệ thống thoát nước mưa	157,22m <sup>3</sup>	Song song trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác
II	Khu vực phụ trợ (nằm trong ranh giới khai thác)		
1	Tháo dỡ các công trình phụ trợ	109,8m <sup>2</sup>	Sau khi hoàn thành tất cả các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
2	Hút hầm tự hoại, san lấp hầm tự hoại	01 cái	
III	Khu vực ngoài mỏ		
1	Duy tu, sửa chữa 2 tuyến đường	30,4m <sup>3</sup>	Sẽ sửa chữa ngay khi phát

TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
	vận chuyển ngoài mỏ từ khu vực dự án ( <i>khu Tây Bắc và khu Đông Nam</i> ) kết nối với đường bê tông đá dăm.		hiện hiện tượng hư hỏng do phương tiện vận chuyển phục vụ dự án gây ra
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường bê tông đá dăm ra Quốc lộ 24.	15,4m <sup>3</sup>	
3	Thu dọn lớp đá dăm trên bề mặt đường vận chuyển ngoài mỏ từ khu vực dự án ( <i>khu Tây Bắc và khu Đông Nam</i> ) kết nối với đường bê tông đá dăm. San gạt mặt đường trả lại mặt bằng cho người dân.	152m <sup>3</sup>	Sau khi hoàn thành tất cả công trình cải tạo, phục hồi môi trường
4	Nạo vét cống, rãnh thoát nước, hố lắng	20,66m <sup>3</sup>	Song song trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác

- Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.770.503.581 đồng (*Một tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, năm trăm tám mươi một đồng*).

+ Số lần ký quỹ: 15 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 354.100.716 đồng (*Ba trăm năm mươi bốn triệu, một trăm nghìn, bảy trăm mười sáu đồng*);

+ Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo (14 lần): 101.171.633 đồng/năm (*Một trăm lẻ một triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng/năm*).

Lưu ý: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp giấy phép khai thác khoáng sản, nếu thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt thì Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường để xem xét, điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ dự án nộp số tiền ký quỹ hằng năm phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hằng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hằng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Ký quỹ lần đầu: Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ;

+ Việc ký quỹ các lần tiếp theo: Không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

b) Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố tai nạn lao động: Quá trình thi công xây dựng của dự án phải đảm bảo theo QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng- Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Sự cố cháy nổ:

+ Áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy và chữa cháy.

+ Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

- Sự cố về an toàn giao thông:

+ Cấm biển báo theo quy định tại vị trí giao lộ ra vào khu vực dự án để báo hiệu khu vực có nhiều xe vận tải ra vào.

+ Tại vị trí kết nối ra đường bê tông đá dăm, nghiên cứu mở rộng bán kính để đảm bảo thông thoáng, không có chướng ngại che khuất tầm nhìn.

+ Bố trí công nhân phân luồng xe xuyên suốt quá trình hoạt động khai thác, tránh gây tai nạn, ách tắc giao thông tại khu vực dự án trong suốt thời gian khai thác vận hành mỏ.

+ Phân bổ thời gian vận chuyển hợp lý tránh trường hợp tập trung mật độ phương tiện giao thông cao tại vị trí giao lộ ra vào khu vực dự án.

+ Phải dùng bạt phủ kín thùng xe trong quá trình vận chuyển, khi bạt có dấu hiệu hư hỏng, phải lập tức thay bạt mới, đảm bảo không để rơi vãi đất ra đường gây ảnh hưởng đến lưu thông trên các tuyến đường khi vận chuyển.

+ Duy tu các tuyến đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, ứng phó ngay sau khi có dấu hiệu hư hỏng.

+ Yêu cầu các xe chuyên chở vật liệu ra khỏi khu vực mỏ chấp hành nghiêm luật an toàn giao thông đường bộ, hạn chế lưu thông vào giờ cao điểm.

+ Kiểm tra hệ thống an toàn của phương tiện khi chuẩn bị lên dốc, xuống dốc (*nhất là đoạn đường dốc ra vào khu vực dự án*).

+ Đảm bảo hệ thống thoát nước tại các tuyến đường luôn trong tình trạng thoát nước tốt, không bị ngập úng, chảy tràn ra tuyến đường gây cản trở giao thông ra vào khu vực.

- Sự cố sạt lở bờ moong khai thác:

+ Tiến hành khai thác từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới, khai thác đến đâu phân tầng kết thúc khai thác đến đó để giảm thiểu trượt lở đảm bảo công tác cải tạo phục hồi môi trường theo hình thức cuốn chiếu.

+ Lựa chọn góc nghiêng của bờ moong khai thác hợp lý nhằm đảm bảo ổn định nền móng, bờ dốc. Góc nghiêng sườn tầng kết thúc là  $\alpha_{kt} \leq 45^{\circ}$  nhằm đảm bảo ổn định bờ mỏ, bờ moong khai thác theo dạng bậc thang để hạn chế tối đa sạt lở.

+ Thực hiện làm kè rọ đá gia cố chống sạt lở dọc ranh giới phía Tây Bắc khu vực phụ trợ tiếp giáp với bờ suối với kích thước 20mx0,5mx1m.

+ Dọc ranh giới khu Tây Bắc, đoạn sau 2 cống D800, thực hiện làm kè chắn bằng rọ đá kích thước 16mx1m, chiều cao trung bình khoảng 2 m để đảm bảo tránh trượt lở đất từ khu vực dự án ra ngoài theo nước mưa.

+ Thường xuyên kiểm tra, thị sát bờ moong khai thác có giải pháp kịp thời khi phát hiện sạt lở; gia cố lại các đoạn kè để kịp thời xử lý khi có sự cố xảy ra.

#### c) Các công trình, biện pháp khác

- Giảm thiểu tác động khi di dời đường dây 22kV: Trước khi triển khai thực hiện di dời đường dây 22kV, Chủ dự án phải thực hiện thủ tục thỏa thuận vị trí cột, móng trụ, hành lang lưới điện đường dây di dời, thủ tục về đất đai có liên quan theo đúng quy định hiện hành.

- Giảm thiểu tác động đến đường đi sản xuất (mát lối đi tại khu Đông Nam) và canh tác nông nghiệp của người dân trong khu vực dự án

+ Mở lối đi mới với chiều dài dự kiến khoảng 300m, rộng trung bình khoảng 3 m cho người dân đi đến khu vực canh tác.

+ Thực hiện thỏa thuận, hỗ trợ hoa màu trên đất cho người dân canh tác nông nghiệp trong khu vực dự án.

+ Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước, hồ lắng như đã nêu ở phần giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn nhằm hạn chế lượng nước mưa cuốn theo đất làm bồi lấp lưu vực thoát nước gây ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu, nhất là diện tích lúa gần khu vực dự án.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

### **5.1. Chương trình quản lý**

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường của dự án, thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, tổ chức quan trắc giám sát chất thải theo quy định

### **5.2. Giám sát môi trường**

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Giám sát môi trường không khí:

+ Thông số giám sát: Vi khí hậu, Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.

+ Vị trí giám sát:

++ 01 vị trí trên tuyến đường vận chuyển (đoạn từ khu Tây Bắc ra đường bê tông đá dăm). Tọa độ: X= 1.588.628; Y = 560.896 (*Thực hiện khi triển khai xây dựng khu Tây Bắc*)

++ 01 vị trí trên tuyến đường vận chuyển (đoạn từ khu Đông Nam ra đường bê tông đá dăm). Tọa độ: X=1.589.408, Y=561.241 (*Thực hiện khi triển khai xây dựng khu Đông Nam*).

++ 01 vị trí tại nhà dân cách khu vực dự án gần nhất. Tọa độ: X= 1.589.060, Y= 560.668.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2026/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giai đoạn vận hành

- Giám sát môi trường không khí

+ Thông số giám sát: Vi khí hậu, Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.

+ Vị trí giám sát:

++ 01 vị trí trên tuyến đường vận chuyển (đoạn từ khu Tây Bắc ra đường bê tông đá dăm). Tọa độ: X= 1.588.628; Y = 560.896 (*Thực hiện khi khai thác tại khu Tây Bắc*).

++ 01 vị trí tuyến đường vận chuyển (đoạn từ khu Đông Nam ra đường bê tông đá dăm). Tọa độ: X=1.589.408, Y=561.241 (*Thực hiện khi khai thác tại khu Đông Nam, Bắt đầu giám sát từ năm khai thác thứ 7*).

++ 01 vị trí tại nhà dân cách khu vực dự án gần nhất. Tọa độ: X= 1.589.060, Y= 560.668.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần & Giám sát đột xuất: Khi có sự cố môi trường, có ý kiến kiến nghị của chính quyền địa phương hay đơn thư phản ánh khiếu nại của nhân dân.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2026/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Giám sát nước sau các hồ lắng:

+ Thông số giám sát: pH, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng.

+ Vị trí giám sát:

++ 01 vị trí sau hồ lắng gần điểm mốc số 3 (khu Tây Bắc). Tọa độ: X= 1.588.531; Y= 560.824.

++ 01 vị trí sau hồ lắng gần điểm mốc số 6 (khu Đông Nam) (*Bắt đầu giám sát từ năm khai thác thứ 7*). Tọa độ: X= 1.588.259; Y= 561.322

- Tần suất thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần vào mùa mưa & Giám sát đột xuất: Khi có sự cố môi trường, có ý kiến kiến nghị của chính quyền địa phương hay đơn thư phản ánh khiếu nại của nhân dân.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Giám sát việc phân loại, khối lượng, chủng loại, tỷ lệ, thành phần chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, kho lưu trữ chất thải nguy hại...

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

d) Giám sát khác

- Giám sát sạt lở, trượt lở bờ moong khai thác

+ Vị trí giám sát: Khu vực dự án

+ Thông số giám sát: Chiều cao tầng khai thác, góc nghiêng tầng khai thác, góc nghiêng tầng kết thúc khai thác, chiều rộng mặt tầng công tác, chiều rộng đai bảo vệ.

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Giám sát bồi lắng và nước mưa chảy tràn

+ Vị trí giám sát: Tại các lưu vực thoát nước

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên trong mùa mưa, bão.

c) Giám sát môi trường giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Giám sát môi trường không khí:

+ Thông số giám sát: Vi khí hậu, Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí tuyến đường vận chuyển (đoạn từ khu Tây Bắc ra đường bê tông đá dăm). Tọa độ: X= 1.588.628; Y = 560.896.

+ 01 vị trí tuyến đường vận chuyển (đoạn từ khu Đông Nam ra đường bê tông đá dăm). Tọa độ: X=1.588.408, Y=561.241

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần & Giám sát đột xuất: Khi có sự cố môi trường, có ý kiến kiến nghị của chính quyền địa phương hay đơn thư phản ánh khiếu nại của nhân dân.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2026/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Giám sát nước tại hồ lắng:

- + Thông số giám sát: pH, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng.

- + Vị trí giám sát:

- + 01 vị trí hồ lắng gần điểm mốc số 3 (khu Tây Bắc). Tọa độ: X= 1.588.531; Y= 560.824.

- + 01 vị trí hồ lắng gần điểm mốc số 6 (khu Đông Nam). Tọa độ: X= 1.588.259; Y= 561.322

- Tần suất: 3 tháng/lần vào mùa mưa và Giám sát đột xuất: Khi có sự cố môi trường, có ý kiến kiến nghị của chính quyền địa phương hay đơn thư phản ánh khiếu nại của nhân dân.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Giám sát việc phân loại, khối lượng, chủng loại, tỷ lệ, thành phần chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, kho lưu trữ chất thải nguy hại...

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong thời gian cải tạo phục hồi môi trường.

d) Giám sát khác

- Giám sát sạt lở, trượt lở bờ moong kết thúc khai thác

- + Vị trí giám sát: Khu vực dự án

- + Tần suất giám sát: Thường xuyên trong thời gian cải tạo phục hồi môi trường

- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường, Địa

chất, Khoáng sản, Đất đai, Tài nguyên nước, Đa dạng sinh học, Lâm nghiệp, Xây dựng ... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn trong thi công và phòng chống cháy nổ theo quy định. Thực hiện giải pháp phòng chống xói mòn, trượt lở đất đá. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, kết quả quan trắc môi trường (nếu có), phục hồi môi trường..., được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện thủ tục pháp lý về Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Ủy ban nhân dân xã Đăk Blà, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Đăk Blà và những yêu cầu của người dân tại các Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

\* Chủ dự án phải chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác, trung thực đối với các số liệu, tài liệu nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

.....